

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2018 – 2019

Bậc đào tạo: Cao đẳng (C1)

Học phần: Hành vi tổ chức

Lớp: 18C1-QTD1_2 Ngày thi: 12 / 7 / 2019

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 181

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 50 câu, mỗi câu 0,2 điểm.

1. Tính cách hướng ngoại là:

- a) Có óc tưởng tượng, nhạy cảm về nghệ thuật.
- b) Bình tĩnh, nhiệt tình, chắc chắn.
- c) Dễ hội nhập, hay nói, quyết đoán.
- ☒ d) Tất cả đều sai.

2. Học thuyết hai nhân tố về động viên gồm

- a. Yếu tố cá nhân và yếu tố bên ngoài
- b. Yếu tố nội tại và yếu tố cá nhân
- ☒ c. Yếu tố nội tại và yếu tố bên ngoài
- d. Tất cả đều sai

3. Người lao động có thể được động viên thông qua sự tham gia vào

- a. Ra quyết định trong tổ chức
- b. Xác định mục tiêu trong tổ chức
- c. Giải quyết các vấn đề trong tổ chức
- ☒ d. Tất cả đều đúng

4. Học thuyết nhu cầu của McClelland cho rằng nhu cầu của con người có

- a. 3 nhu cầu cơ bản: hoàn thành, quyền lực, liên minh
- ☒ b. 3 nhu cầu cơ bản: tồn tại, quan hệ và phát triển
- c. 5 nhu cầu: sinh lý, an toàn, xã hội, được tôn trọng và tự nhận biết
- d. Tất cả đều sai

5. Động viên xảy ra khi

- a. Nhu cầu không được thỏa mãn → tìm kiếm hành vi → dẫn dắt → áp lực → thỏa mãn nhu cầu
- b. Nhu cầu không được thỏa mãn → dẫn dắt → áp lực → tìm kiếm hành vi → thỏa mãn nhu cầu
- ☒ c. Nhu cầu không được thỏa mãn → áp lực → cố gắng → tìm kiếm hành vi → thỏa mãn nhu cầu
- d. Nhu cầu không được thỏa mãn → dẫn dắt → tìm kiếm hành vi → áp lực → thỏa mãn nhu cầu.

6. Trong học thuyết công bằng, nhân viên có thể áp dụng dạng so sánh

- a. So sánh những người khác bên trong tổ chức và bên ngoài tổ chức
- b. Tự so sánh bên trong tổ chức
- c. Tự so sánh bên ngoài tổ chức
- ☒ d. Tất cả đều đúng

7. Nhóm là hai hay nhiều cá nhân, có tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau, nhưng mục tiêu của mỗi thành viên trong nhóm là khác nhau

- a. Sai ✓
b. Đúng
8. Nhóm được phân thành
a. Nhóm chính thức và nhóm lợi ích
b. Nhóm chính thức và nhóm bạn bè
c. Nhóm chính thức và nhóm không chính thức ✓
d. Nhóm nhiệm vụ và nhóm không chính thức
9. Những liên minh hình thành một cách tự nhiên từ môi trường công việc trên cơ sở những quan hệ thể hiện sự thụ cảm giữa các cá nhân được gọi là
a. Nhóm chỉ huy
b. Nhóm nhiệm vụ
c. Nhóm không chính thức ✓
d. Tất cả đều sai
10. Lý do tham gia vào một nhóm
a. Tương tác và liên minh
b. Sự an toàn
c. Địa vị
d. Tất cả đều đúng ✓
11. Nhân tố nào quyết định đến sự hài lòng trong công việc
a. Đồng nghiệp ủng hộ
b. Công bằng trong khen thưởng
c. Công việc phù hợp với tính cách
d. Tất cả đều đúng ✓
12. Phản ứng của nhân viên khi bất mãn tổ chức
a. Góp ý tích cực và xây dựng, tăng năng suất lao động, chuyển
b. Rời bỏ tổ chức, góp ý tích cực và xây dựng, làm cho tình hình tồi tệ. ✓
c. Làm cho tình hình tốt hơn, góp ý tích cực và xây dựng, rời bỏ tổ chức
d. Tất cả đều sai
13. Nhận thức là một quá trình qua đó cá nhân tổ chức sắp xếp và diễn giải những ấn tượng giác quan của mình để tìm hiểu môi trường xung quanh
a. Sai
b. Đúng ✓
14. Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức
a. Oc nhận thức, suy nghĩ, mục tiêu
b. Suy nghĩ, mục tiêu, tình huống
c. Oc nhận thức, suy nghĩ, tình huống ✓
d. Oc nhận thức, mục tiêu, tình huống
15. Mô hình ra quyết định gồm
a. 6 bước ✓
b. 5 bước
c. 7 bước
d. 8 bước
16. Các nhân tố tình huống ảnh hưởng đến nhận thức
a. Thời gian, thái độ, môi trường làm việc
b. Thời gian, môi trường xã hội, môi trường làm việc
c. Môi trường làm việc, môi trường xã hội, kỳ vọng
d. Môi trường làm việc, môi trường xã hội, thái độ ✓
17. Bước nào dưới đây không nằm trong các bước ra quyết định

- a. Đánh giá các giải pháp
 - b. Xác định vấn đề
 - c. Tăng tính sáng tạo khi ra quyết định
 - d. Phát triển các giải pháp ✓
18. Trong một tổ chức, cá nhân ra quyết định thường gặp phải những hạn chế
- a. Theo lối cũ
 - b. Thời gian
 - c. Hệ thống khen thưởng
 - d. Tất cả đều đúng ✓
19. Động viên là tinh thần sẵn sàng cố gắng ở mức cao vì mục tiêu của cá nhân, với điều kiện một số nhu cầu cá nhân được thỏa mãn dựa trên khả năng nỗ lực.
- a. Sai
 - b. Đúng ✓
20. Học thuyết Y về động viên giả định
- a. Nhân viên thích làm việc, sáng tạo, có trách nhiệm và có thể tự điều khiển mình ✓
 - b. Nhân viên lười nhác, vô trách nhiệm, và phải cưỡng bức làm việc
 - c. Tất cả đều đúng
 - d. Tất cả đều sai
21. Quá trình hình thành nhóm có mấy giai đoạn
- a. 5 ✓
 - b. 4
 - c. 6
 - d. 7
22. Ở giai đoạn nào nhóm có những quan hệ gắn bó, gắn gũi phát triển và cấu trúc nhóm rõ ràng
- a. Giai đoạn bão tố
 - b. Giai đoạn thực hiện
 - c. Giai đoạn hình thành các chuẩn mực ✓
 - d. Giai đoạn chuyển tiếp
23. Ở giai đoạn của nhóm việc thực hiện tốt nhiệm vụ không còn là ưu tiên hàng đầu của nhóm nữa. Thay vào đó các thành viên chỉ nghĩ đến các công việc.
- a. Giai đoạn bão tố
 - b. Giai đoạn thực hiện
 - c. Giai đoạn hình thành các chuẩn mực
 - d. Giai đoạn chuyển tiếp ✓
24. Chuẩn mực chung của nhóm rất quan trọng vì
- a. Giảm các vấn đề rắc rối trong quan hệ giữa các thành viên nhóm
 - b. Tạo ra sự tồn tại của nhóm
 - c. Cho phép thành viên nhóm thể hiện giá trị trung tâm của nhóm và làm rõ sự khác biệt về tồn tại của nhóm
 - d. Tất cả đều đúng ✓
25. Ra quyết định theo nhóm sẽ có những ưu điểm ngoại trừ
- a. Nhiều quan điểm khác nhau
 - b. Thông tin và kiến thức đầy đủ hơn
 - c. Tốn nhiều thời gian ✓
 - d. Quyết định đề ra chính xác hơn.
26. Ra quyết định trong nhóm có thể áp dụng kỹ thuật
- a. Họp điện tử
 - b. Động não

- c. Các nhóm tương tác với nhau
d. Tất cả đều có thể áp dụng ✓
27. Lãnh đạo là
- a. Sử dụng quyền lực có được từ hệ thống quản lý chính thức để đạt được sự tuân thủ của các thành viên trong tổ chức.
b. Khả năng ảnh hưởng một nhóm hướng tới thực hiện mục tiêu ✓
c. Tất cả đều đúng
d. Tất cả đều sai
28. Học thuyết lãnh đạo theo tình huống cho rằng lãnh đạo có thể được đào tạo
- a. Sai
b. Đúng ✓
29. Quyền lực là khả năng mà người A ảnh hưởng đến hành vi của người B, từ đó người B hành động phù hợp với mong muốn của A
- a. Sai
b. Đúng ✓
30. Trong mô hình của Fiedler, khi người lãnh đạo nằm trong tình huống II, phong cách lãnh đạo nào được chú trọng nhiều hơn?
- a. Hướng tới công việc ✓
b. Hướng tới nhân viên
c. Tất cả đều đúng
d. Tất cả đều sai
31. Giai đoạn quyết định hành động theo cách đã đề ra trong quá trình xung đột là giai đoạn ✓
- a. Nhận thức và cá nhân hóa
b. Tiềm năng chống đối
c. Chủ ý
d. Hành vi ✓
32. Giai đoạn nào có tồn tại hai dạng mâu thuẫn nhận thức và mâu thuẫn cảm nhận
- a. Nhận thức và cá nhân hóa
b. Tiềm năng chống đối
c. Chủ ý
d. Hành vi
33. Có mấy yếu tố then chốt trong thiết kế tổ chức
- a. 5
b. 4
c. 6 ✓
d. 7
34. Số lượng cấp dưới mà người quản lý có thể điều khiển có hiệu suất và hiệu quả nằm trong yếu tố then chốt nào trong thiết kế tổ chức
- a. Phạm vi hoạt động
b. Chuỗi mệnh lệnh
c. Chuyên môn hóa công việc ✓
d. Phạm vi kiểm soát.
35. Một cấu trúc tổ chức có đặc điểm phạm vi hóa hoạt động thấp, phạm vi kiểm soát rộng, quyền lực tập trung vào một người duy nhất và ít chính thức hóa là mô hình tổ chức
- a. Cơ chế quan liêu
b. Cấu trúc đơn giản ✓
c. Cơ cấu ma trận
d. Tất cả đều sai ✓

36. Mô hình cơ cấu tổ chức phụ thuộc vào
- Môi trường
 - Chiến lược
 - Công nghệ
 - Tất cả đều đúng ✓
37. Những vấn đề nào dưới đây không nằm trong nghiên cứu của hành vi tổ chức ở cấp độ nhóm?
- Xung đột
 - Thiết kế công việc và công nghệ ✓
 - Lãnh đạo ✗
 - Quyền lực
38. Các biến độc lập ở cấp độ nhóm bao gồm tất cả ngoại trừ
- Giá trị và thái độ
 - Quyền lực
 - Truyền thông ✓
 - Mâu thuẫn
39. Những vấn đề nào dưới đây không nằm trong nghiên cứu của hành vi tổ chức ở cấp độ cá nhân?
- Động viên
 - Nhận thức
 - Xung đột ✓
 - Ra quyết định cá nhân
40. Hành vi tổ chức nhắm đến làm thế nào để
- Giảm vắng mặt và chuyển chuyển
 - Tăng năng suất lao động
 - Tăng sự hài lòng trong công việc cho nhân viên
 - Tất cả đều đúng ✓
41. Theo lý thuyết của Hersey và Blanchard về lãnh đạo khi nhân viên không có khả năng và không sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm cho một việc nào đó, thì người lãnh đạo cần có hành vi
- Hướng dẫn (nhiệm vụ cao-quan hệ cao) ✗
 - Chỉ đạo (nhiệm vụ cao-quan hệ thấp) ✓
 - Tham gia (nhiệm vụ thấp-quan hệ cao)
 - Ủy quyền (nhiệm vụ thấp-quan hệ thấp)
42. Theo lý thuyết của Hersey và Blanchard về lãnh đạo khi nhân viên có khả năng mà không sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm cho một việc nào đó, thì người lãnh đạo cần có hành vi
- Hướng dẫn (nhiệm vụ cao-quan hệ cao)
 - Chỉ đạo (nhiệm vụ cao-quan hệ thấp)
 - Tham gia (nhiệm vụ thấp-quan hệ cao) ✓
 - Ủy quyền (nhiệm vụ thấp-quan hệ thấp)
43. Câu nào dưới đây không thuộc hành vi của người lãnh đạo trong học thuyết đường dẫn-mục tiêu.
- Chỉ đạo
 - Kinh nghiệm ✓
 - Tham gia
 - Hỗ trợ
44. Học thuyết lãnh đạo theo tình huống, trong mô hình của Fiedler, Fiedler cho rằng yếu tố tình huống xác định hiệu quả lãnh đạo là
- Cấu trúc nhiệm vụ
 - Mối quan hệ lãnh đạo-thành viên
 - Quyền lực vị trí
 - Tất cả đều đúng ✓

45. Có mấy dạng quyền lực cơ bản

- a. 5 ✓
- b. 4
- c. 6
- d. 7

46. Quyền lực một người có được như là kết quả từ vị trí của họ trong hệ thống cấp bậc chính thức của một tổ chức thì được coi là dạng quyền lực

- a. Quyền lực hợp pháp ✓
- b. Quyền lực cưỡng bức
- c. Quyền lực khen thưởng
- d. Quyền lực chuyên môn

47. Một người có khả năng ảnh hưởng người khác nhờ vào những kỹ năng đặc biệt hay là kiến thức của mình là người nắm giữ dạng quyền lực

- a. Quyền lực hợp pháp
- b. Quyền lực cưỡng bức
- c. Quyền lực khen thưởng
- d. Quyền lực chuyên môn ✓

48. “Xung đột được xem là kết quả tự nhiên và không thể tránh khỏi của bất kỳ một nhóm nào”, đây là phát biểu theo

- a. Quan điểm mối quan hệ con người
- b. Quan điểm truyền thống
- c. Quan điểm tương tác
- d. Tất cả đều sai ✓

49. Xung đột gây trở ngại cho kết quả làm việc của nhóm được coi

- a. Xung đột thiết thực
- b. Xung đột không thiết thực
- c. Tất cả đều đúng ✓
- d. Tất cả đều sai ✓

50. Quá trình xung đột diễn ra qua mấy giai đoạn

- a. 4
- b. 3
- c. 5 ✓
- d. 6

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.